TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST
Ngày 20/01/2020
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ong Thân Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Sửu - Cán bộ hưu.

Bà Nguyễn Thị Bích- Cán bộ hưu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thiêm - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Lương Thất Tùng- Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 20/01/2020tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khaivụ án hôn nhân gia đình thụ lý số125/2019/TLST-HNGĐ ngày 29/10/2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/12/2019, quyết định hoãn phiên tòa số 63/QĐ-ST ngày 27/12/2019, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Tống Kim T, sinh năm 1987.

Nơi ĐKHKTT: thôn Đ, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Vắng mặt tại phiên tòa. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

* **Bị đơn:**Chị Đào Thị Bích P, sinh năm 1989.

Nơi ĐKHKTT: thôn Đ, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Hiện lao động tại nước ngoài, không rõ địa chỉ. Vắng mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Mạc Thị N, sinh năm: 1969.

Địa chỉ: Thôn V, xã N, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt tại phiên tòa. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là anh Tống Kim T trình bày:*

- Về quan hệ vợ chồng: Tôi và chị Đào Thị Bích P kết hôn ngày 31/3/2011 tại UBND xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn chúng tôi được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 9 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính cách không hợp nhau, không hiểu và chia sẻ với nhau trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau. Tháng 9/2018 chị P mang con thứ hai về nhà mẹ đẻ gửi và đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan mà không thông báo cho tôi biết. Tôi biết sự việc qua bạn bè và bố mẹ vợ, hiện chị P vẫn lao động ở Đài Loan, vẫn thường xuyên liên lạc với mẹ đẻ nhưng không liên lạc với tôi. Tôi đã xin địa chỉ của chị P ở nước ngoài nhưng mẹ đẻ chị không cung cấp nên không có để cung cấp cho Tòa án. Nay tôi xác định tình cảm không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chị Đào Thị Bích P.

- Về con chung : Vợ chồng có 02 con chung là cháu Tống Thành Đ, sinh ngày 11/5/2014 và Tống Thành C, sinh ngày 19/8/2018. Hiện cháu Đ ở với tôi, cháu C thì chị P gửi ở với ông bà ngoại tại Hải Dương. Ly hôn tôi đề nghị Tòa án giải quyết giao cháu Đ cho tôi nuôi, cháu C cho chị P nuôi. Cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là chị Đào Thị Bích P đang lao động ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ cụ thể.Tòa án đã niêm yết văn bản tố tụng đồng thời giao văn bản tố tụng cho mẹ đẻ chị P là bà Mạc Thị N nhận thay và thông báo cho chị P biết thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

- Tại các biên bản làm việc với Tòa án, bà Mạc Thị N trình bày: Chị Đào Thị Bích P là con gái của bà, gia đình đã nhận Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và thông báo cho chị P được biết. Quan điểm của chị P trao đổi với gia đình về việc anh T xin ly hôn là: Chị P đồng ý ly hôn với anh Tống Kim T. Về con chung Vợ chồng có 02 con chung là cháu Tống Thành Đ, sinh ngày 11/5/2014 và Tống Thành C, sinh ngày 19/8/2018. Hiện cháu Đ ở với anh T, cháu C thì chị P gửi ở với ông bà ngoại. Ly hôn chị P đề nghị Tòa án giải quyết giao cháu Đ cho anh T nuôi, giao cháu C cho chị P nuôi. Chị ủy quyền cho mẹ đẻ là bà Mạc Thị N thay mặt chị trông nom

nuôi dưỡng cháu C giúp trong thời gian chị đi lao động ở nước ngoài. Hiện cháu C ở với bà ngoại ổn định, phát triển khỏe mạnh, bình thường. Chị vẫn thường xuyên gửi tiền về để mẹ chị trang trải cuộc sống và lo cho cháu C.Do đang lao động tại Đài Loan không về nước được nên chị P đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

Ngoài ra bà Mạc Thị N có quan điểm trình bày: Hiện nay chị P đang đi lao động tại nước ngoài nhưng vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình quan điện thoại, mạng xã hội Zalo. Về địa chỉ của chị P ở nước ngoài thì gia đình không cung cấp cho Tòa án và không đồng ý thực hiện yêu cầu của Tòa án về việc Thông báo cho chị P gửi lời khai về cho Tòa án, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Nếu Tòa án giải quyết cho chị P, anh T ly hôn thì bà đồng ý nhận sự ủy quyền của chị P về việc nuôi cháu C vì cháu ở với bà từ lúc 01 tháng tuổi đến nay. Gia đình bà vẫn quan tâm, chăm sóc tạo điều kiện đểcháu ổn định cuộc sống. Bà đồng ý nhận trách nhiệm thay chị P chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu C trong thời gian chị P đang ở nước ngoài. Bà đồng ý tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.Do chồng bà đã chết và điều kiện công việc nên bà xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Tống Kim T, chị Đào Thị Bích P, bà Mạc Thị N vắng mặt. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xét thấy tình trạng mâu thuẫn của đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) giải quyết cho anh T được ly hôn chị P. Về con chung: Giao con chung là cháu Tống Thành Đ, sinh ngày 11/5/2014 cho anh Tống Kim T nuôi dưỡng, giao cháu Tống Thành C, sinh ngày 19/8/2018 cho chị Đào Thị Bích P nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: các đương sự không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về chi phí tố tụng: Anh T phải chịu300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: AnhTống Kim T là người Việt Nam, hiện đang sinh sống tại Việt Nam có đơn xin ly hôn chị Đào Thị Bích P là công dân Việt Nam, đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang nhưng đang lao động, cư trú tại nước ngoài (theo gia đình cung cấp là ở Đài Loan). Anh T yêu cầu giải quyết về nuôi con chung khi ly hôn. Căn cứ công văn số: 16868/QLXNC-P5 ngày 21/10/2019 và công văn số 19326/QLXNC-P5 ngày 25/11/2019 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an thì chị Đào Thị Bích P đã xuất cảnh ra nước ngoài nhiều lần, chưa thấy nhập cảnh về Việt Nam. Tại thời điểm thụ lý vụ án thì chị P đã xuất cảnh ngày 24/12/2018 đến ngày 04/11/2019 nhập cảnh và ngày 19/11/2019 lại xuất cảnh tiếp. Cục quản lý xuất nhập cảnh, Bộ Công an không có căn cứ cung cấp địa chỉ của chị P ở nước ngoài do công dân không phải khai báo nước đến. Từ các nội dung trên, HĐXX xác định: về quan hệ pháp luật đây là vụ án "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1, Điều 28- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; về thẩm quyền: do có đương sự ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa anhTống Kim T và bà Mạc Thị N vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.Chị Đào Thị Bích P vắng mặt không có lý do.Căn cứ theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ thì đây được coi là trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã niêm yết tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho chị Đào Thị Bích P theo quy định tại Điều 177, Điều 179 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. HĐXX thấy việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng quá trình giải quyết vụ án. Các đương sự khác vắng mặt tại phiên tòa nhưng có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ khoản 1, Điều 227; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 1, khoản 3, Điều 228; Điều 474; điểm a, khoản 5, Điều 477 - Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Đào Thị Bích P và các đương sự khác.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

[3.1]. Anh Tống Kim T, chị Đào Thị Bích Pkết hôn ngày 31/3/2011 tại UBND xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 9 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính cách không hợp nhau, không hiểu và chia sẻ với nhau trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau. Tháng 9/2018 chị P mang con thứ hai về nhà mẹ đẻ gửi và đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan mà không thông báo cho anh T biết. Hiện chị P vẫn lao động ở Đài Loan, vẫn thường xuyên liên lạc với mẹ đẻ nhưng không liên lạc với anh T. Anh T đã xin địa chỉ của chị P ở nước ngoài nhưng mẹ đẻ chị không cung cấp nên không có để cung cấp cho Tòa án. Nay anh T xác định tình cảm không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đào Thị Bích P.

[3.2]. Hội đồng xét xử thấy: từ tháng 9 năm 2018 đến nay thì anh T, chị P đã phát sinh mâu thuẫn và vợ chồng sống ly thân với nhau đến nay. Giữa anh T và chị P không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống nữa.Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng cả anh T và chị P đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Thông qua bà Mạc Thị N là mẹ đẻ, chị P có quan điểm đồng ý ly hôn với anh T. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh Tống Kim T được ly hôn chị Đào Thị Bích P.

[4]. Về con chung:

[4.1]. Anh Tống Kim T, chị Đào Thị Bích Pcó 02 con chung là cháu Tống Thành Đ, sinh ngày 11/5/2014 và cháu Tống Thành C, sinh ngày 19/8/2018. Hiện cháu Đ ở với anh T, cháu C thì chị P gửi ở với bà ngoại là Mạc Thị N tại thành phố Hải Dương. Ly hôn anh T đề nghị Tòa án giải quyết giao cháu Đ cho anh nuôi, cháu C cho chị P nuôi. Cấp dưỡng nuôi con anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Thông qua bà Mạc Thị N là mẹ đẻ, chị P có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết giao cháu Đ cho anh T nuôi, giao cháu C cho chị P nuôi. Chị P ủy quyền cho mẹ đẻ là bà Mạc Thị N thay mặt chị trông nom nuôi dưỡng cháu C giúp trong thời gian chị đi lao động ở nước ngoài. Bà Mạc Thị N đồng ý nhận sự ủy quyền của chị P và sẽ có trách nhiệm trông nom, nuôi dưỡng cháu C thaycho chị P.

[4.2]. HĐXX thấy: Các đương sự anh T, chị Pđều có quan điểm thống nhất về việc giao con chung là cháu Đ cho anh T nuôi, giao cháu C cho chị P nuôi khi ly hôn. Bà Mạc Thị N đồng ý nhận nuôi cháu Tống Thành C thay cho chị Đào Thị Bích P. Qua lời khai của các đương sự và xác minh tại chính quyền địa phương nơi bà N sinh sống thấy cháu Tống Thành C được chị P gửi ở với bà N (bà ngoại) từ khi mới 01 tháng tuổi cho đến nay. Cháu C có cuộc sống ổn định, phát triển khỏe mạnh bình thường, chị P cũng thường xuyên gửi tiền về để bà N nuôi dưỡng con. Anh T cũng đồng ý giao con chung là cháu C cho chị P nuôi dưỡng, đồng ý để bà N thay mặt chị P nuôi cháu C. Việc bà Mạc Thị N nhận trách nhiệm quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu ngoại là Tống Thành C cũng phù hợp theo quy định của Điều 104- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần được chấp nhận. Vì vậy để ổn định cuộc sống, tránh xáo trộn, đảm bảo quyền lợi của con chung cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu Tống Thành Đ, sinh ngày 11/5/2014 cho anh Tống Kim T nuôi dưỡng và giao cháu Tống Thành C, sinh ngày 19/8/2018 cho chị Đào Thị Bích P nuôi dưỡng. Các đương sự không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không giải quyết. Sau này nếu có yêu cầu có thể khởi kiện bằng vụ án khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Các đương sự có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 84- Luật Hôn nhân và gia đình.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: anh T, chị P không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp thì có thể khởi kiện bằng vụ án khác.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, anh Tống Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 104; khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37; Điều 471; khoản 4, Điều 147; Điều 177; Điều 179; khoản 1 và điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 1, khoản 3, Điều 228; điểm b, khoản 1, Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 474; điểm a, khoản 5, Điều 477; khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Anh Tống Kim T được ly hôn chị Đào Thị Bích P.

2. Về con chung: Giao cho anh Tống Kim T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Tống Thành Đ, sinh ngày 11/5/2014. Giao cho chị Đào Thị Bích P nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Tống Thành C, sinh ngày 19/8/2018. Về cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Sau này nếu có yêu cầu có thể khởi kiện bằng vụ án khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Các đương sự có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 84- Luật Hôn nhân và gia đình.

3.Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: anh Tống Kim T, chị Đào Thị Bích P không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp thì có thể khởi kiện bằng vụ án khác.

4. Về án phí sơ thẩm: anh Tống Kim Tphải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2018/0000463 ngày 28/10/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Tống Kim T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

- Các đương sự cư trú tại Việt Nam (anh Tống Kim T, bà Mạc Thị N), không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Đương sự cư trú tại nước ngoài (chị Đào Thị Bích P) không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản

án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9- Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30- Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:
-TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã B, huyện L;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Ong Thân Thắng